

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2009/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 11 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Về việc Ban hành Tiêu chí phân bổ vốn và tỷ lệ hỗ trợ cho các nội dung hoạt động Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 (Giai đoạn II) năm 2010 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế- xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006- 2010;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06 tháng 03 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (2006- 2010);

Xét Tờ trình số 3474/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh về Đề nghị thông qua Đề án “Tiêu chí phân bổ vốn và tỷ lệ hỗ trợ cho các nội dung hoạt động Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 (Giai đoạn II) năm 2010 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án Xác định tiêu chí phân bổ vốn và tỷ lệ hỗ trợ cho các nội dung hoạt động Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 (Giai đoạn II) năm 2010 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Phân bổ vốn hỗ trợ đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng xã, khắc phục tình trạng phân bổ vốn bình quân để đầu tư có hiệu quả; nâng cao thu nhập bền vững cho các hộ nghèo, giúp hộ nghèo vươn lên ổn định và phát triển sản xuất; đầu tư hỗ trợ đúng đối tượng, đúng các nội dung hoạt động; nâng cao kiến thức sản xuất và thị trường cho hộ nghèo phát triển sản xuất ngày càng có hiệu quả để thoát nghèo bền vững.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN

1. Cách xác định mức tính điểm và điểm cho các tiêu chí đối với các xã thuộc Chương trình 135. (Thực hiện theo Biểu 1):

Biểu 1: Biểu xác định mức tính điểm và số điểm theo 05 tiêu chí

Tiêu chí	Điểm cho các tiêu chí
1. Tỷ lệ hộ nghèo (Điểm tối đa là 35 điểm)	
> 70%	35
> 65% đến = 70%	32
> 60% đến = 65%	29
> 55% đến = 60%	26
> 50% đến = 55%	23
> 45% đến = 50%	20
> 40% đến = 45%	17
> 35% đến = 40%	14
> 30% đến = 35%	11
<30%	8
2. Số hộ nghèo (Điểm tối đa là 30 điểm)	
> 300 hộ	30
> 250 hộ đến = 300 hộ	20
> 200 hộ đến = 250 hộ	15
> 150 hộ đến = 200 hộ	10
< 150 hộ	5
3. Diện tích đất SXNN (Điểm tối đa là 15 điểm)	
> 5 nghìn ha	15
> 2 nghìn ha đến = 5 nghìn ha	10
< 2 nghìn ha	5
4. Vị trí địa lý (Điểm tối đa là 15 điểm)	
> 60 km	15
> 30 km đến = 60 km	10
< 30 km	5
5. Tính đặc thù (Điểm tối đa là 5 điểm)	
Xã biên giới	5
Tổng số điểm tối đa là 100	

2. Phương pháp chấm điểm cho các xã theo các tiêu chí và cách phân bổ vốn hàng năm:

Trên cơ sở điểm theo các tiêu chí tại Biểu 1 để áp dụng tính điểm cho từng xã thuộc Chương trình 135. Từ số điểm của từng xã được xác định để phân bổ vốn theo kế hoạch hàng năm; việc phân bổ vốn hỗ trợ hàng năm áp dụng theo công thức sau:

- Vốn kế hoạch hàng năm phân bổ cho từng huyện = (Tổng số vốn Dự án Hỗ trợ PTSX thuộc chương trình 135 giai đoạn II phân bổ cho tỉnh (Hàng năm) chia cho Tổng số điểm của tất các huyện trong Dự án theo 5 tiêu chí) nhân với số điểm của từng huyện;

- Vốn kế hoạch hàng năm phân bổ từng cho xã = (Tổng số vốn Dự án Hỗ trợ PTSX thuộc chương trình 135 giai đoạn II phân bổ cho tỉnh (Hàng năm) chia cho Tổng số điểm của tất các xã trong Dự án theo 5 tiêu chí) nhân với số điểm của từng xã.

(Phương pháp chấm điểm cho các xã theo tiêu chí và cách phân bổ vốn hàng năm thực hiện theo Biểu 3, 4 đính kèm).

3. Đối với các thôn, bản thuộc Chương trình 135: Thực hiện kế hoạch phân bổ vốn theo quy định của Trung ương.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ TỶ LỆ HỖ TRỢ VỐN CHO CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG THUỘC DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135 (GIAI ĐOẠN II) NĂM 2010 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO THỰC HIỆN THEO BIỂU 2)

Biểu 2: Tỷ lệ hỗ trợ vốn cho các nội dung hoạt động thuộc Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 135

Nội dung hỗ trợ	Tỷ lệ phân bổ vốn hàng năm %	Định hướng chủ yếu
1. Các hoạt động khuyến nông	10	Chú trọng bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất
2. Xây dựng mô hình sản xuất	15	Tập trung xây dựng các mô hình hiệu quả, tiên tiến, phù hợp với từng địa phương
3. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất	55	Chú trọng các loại giống: Lúa, màu, cà phê, hồ tiêu..., cây lâm nghiệp, giống gia súc, gia cầm, thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y...
4. Hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản	20	Chú trọng các loại máy móc, công cụ cần thiết, phù hợp với trình độ và điều kiện canh tác; ưu tiên các loại công cụ, thiết bị, máy...cho các hộ, nhóm hộ có nhu cầu để sản xuất.
Tổng số	100	

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, tùy điều kiện tình hình thực tế và tạo tính chủ động cho các địa phương, cho phép UBND huyện quyết định điều chỉnh

tỷ lệ (Tăng hoặc giảm) nhưng không quá 5% theo đề nghị của UBND xã trong vùng dự án.

IV. ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỐI ĐA CHO 01 HỘ, 01 NHÓM HỘ VÀ ĐỊNH MỨC CHO CÁC NỘI DUNG CHI

1. Mức hỗ trợ tối đa cho một hộ, một nhóm hộ:

Thực hiện theo Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-TC-LĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

Cụ thể: Mức hỗ trợ tối đa cho 1 hộ không quá 3 triệu đồng/năm; cho 1 nhóm hộ không quá 45 triệu đồng/năm (Mỗi nhóm hộ có từ 3 hộ trở lên, nhưng không vượt quá 15 hộ).

2. Định mức chi hỗ trợ cho các nội dung hoạt động của Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 135 (Giai đoạn II) năm 2010 và những năm tiếp theo:

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc ban hành tiêu chí phân bổ vốn và tỷ lệ hỗ trợ cho các nội dung hoạt động Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 (Giai đoạn II) năm 2010 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các đại biểu HĐND giám sát việc thực hiện Nghị quyết này;

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của mặt trận và các tổ chức xã hội phối hợp giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

Biểu 3:**BẢNG CHẤM ĐIỂM CHO CÁC HUYỆN, XÃ
THEO 5 TIÊU CHÍ NĂM 2010***(Kèm theo Nghị quyết số 41/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh)*

Các xã	Tỷ lệ hộ nghèo (35 đ)		Số hộ nghèo (30đ)		DT đất SXNN (15 đ)		Vị trí địa lý (15 đ)		Tính đặc thù (5đ)		Cộng
	Tỷ lệ (%)	Điểm	Hộ	Điểm	DT (ha)	Điểm	Cự ly (km)	Điểm	BG	Điểm	
I. Hướng Hóa	-	220	-	120	-	85	-	115	-	30	570
1. Hướng Lập	34,7	11	77	5	6.749,0	15	78	15	BG	5	51
2. Hướng Sơn	52,2	23	167	10	9.680,6	15	47	10			58
3. Hướng Linh	60,9	29	237	15	3.978,2	10	25	5			59
4. Hướng Lộc	52,8	23	208	15	1.165,5	5	31	10			53
5. Ba Tầng	31,7	14	166	10	1.261,7	5	52	10	BG	5	44
6. Thanh	52,2	23	286	20	623,9	5	30	10	BG	5	63
7. A Dơi	27,7	8	135	5	813,6	5	37	10	BG	5	33
8. A Xing	51,6	23	194	10	645,3	5	33	10			48
9. A Túc	55,1	26	220	15	468,3	5	35	10			56
10. Xy	54,4	23	150	10	629,3	5	36	10	BG	5	53
11. Hướng Việt	40,8	17	93	5	2.366,5	10	75	15			52
II. Đakrông	-	187	-	155	-	105	-	85	-	25	557
1. Đakrông	44,8	17	392	30	5.619,2	15	10	5			67
2. Ba Nang	72,1	35	326	30	2.443,2	10	27	5	BG	5	85
3. Tà Long	59,3	29	290	20	11195,1	15	33	10	BG	5	79
4. Húc Nghi	47,4	20	116	5	9.252,9	15	43	10			50
5. A Vao	50,4	23	198	10	5.539,0	15	70	15	BG	5	68
6. Tà Rụt	49,8	20	361	30	2.355,0	10	60	10			70
7. A Bung	61,3	29	258	20	6.260,6	15	75	15	BG	5	84
8. A Ngo	35,9	14	177	10	2.549,3	10	70	15	BG	5	54
III. Vĩnh Linh	-	35		10	-	15	-	10		0	70
1. Vĩnh Ô	88,7	35	181	10	6.869,5	15	48	10			70
Cộng điểm:	-	442	-	285	-	205	-	210	-	55	1.197

Biểu 4:

**BẢNG PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN
CHO TỪNG HUYỆN VÀ XÃ NĂM 2010**
(Kèm theo Nghị quyết số 41/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh)

Các xã	Tổng số điểm	Vốn kế hoạch (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Huyện Hương Hóa	570	2.858	47,63
1. Hương Lập	51	255	
2. Hương Sơn	58	291	
3. Hương Linh	59	296	
4. Hương Lộc	53	266	
5. Ba Tầng	44	220	
6. Thanh	63	316	
7. A Dơi	33	165	
8. A Xing	48	241	
9. A Túc	56	281	
10. Xy	53	266	
11. Hương Việt	52	261	
II. Huyện Đakrông	557	2.792	46,53
1. Đakrông	67	336	
2. Ba Nang	85	426	
3. Tà Long	79	396	
4. Húc Nghi	50	251	
5. A Vao	68	341	
6. Tà Rụt	70	350	
7. A Bung	84	421	
8. A Ngo	54	271	
III. Huyện Vĩnh Linh	70	250	5,84
1. Vĩnh Ô	70	350	
Cộng toàn tỉnh:	1.197	6.000	100

Ví dụ: Vốn kế hoạch năm phân bổ cho xã Ba Nang = (Tổng số vốn của tỉnh 6.000 triệu đồng: 1.197 điểm) x 85 điểm = 426 triệu đồng...

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh sẽ giao tổng vốn hỗ trợ cho các huyện theo tỷ lệ tương ứng (Hương Hóa 47,63%, Đakrông 46,53%, Vĩnh Linh 5,84%).

UBND các huyện phân bổ vốn cho các xã cũng theo tỷ lệ tương ứng với số vốn giao cho huyện (Ví dụ: Xã Thanh 11,06% tổng số vốn giao cho huyện = 316 triệu đồng, xã A Vao 12,21% tổng số vốn giao cho huyện = 341 triệu đồng...).